**PHỤ LỤC I**

**PHÂN BỔ VÀ GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP**

**NGUỒN NĂM 2022 CHUYỂN SANG NĂM 2023 ĐỂ THỰC HIỆN**

**CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

*(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /4/2023 của UBND tỉnh)*

**I. Phân bổ lại cho các cơ quan, đơn vị, địa phương phần vốn đối ứng thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) tương ứng với số kinh phí ngân sách địa phương đối ứng đã phân bổ năm 2022 của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia nhưng chưa giải ngân, đã thực hiện thu hồi về ngân sách cấp tỉnh tại Quyết định số 2662/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh**

**1. Về nguồn kinh phí phân bổ**

Nguồn kinh phí phân bổ cho các đơn vị, địa phương để đối ứng thực hiện 3Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022: Từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023. Lý do phân bổ từ nguồn này: Tại khoản 5, Điều 2 Nghị quyết 69/2022/QH15 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 (Nghị quyết 69/2022/QH15), Quốc hội đã cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2022 của các Chương trình mục tiêu quốc gia đến hết ngày 31/12/2023. Theo đó, số kinh phí đã phân bổ cho các đơn vị, địa phương và số kinh phí chưa phân bổ tại ngân sách cấp tỉnh thuộc nguồn ngân sách trung ương của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 được phép chuyển nguồn sang năm 2023 để tiếp tục thực hiện và giải ngân.

Tuy nhiên, Nghị quyết trên không quy định cho phép chuyển nguồn phần vốn đối ứng ngân sách địa phương đối với phần vốn sự nghiệp đối ứng ngân sách địa phương chưa giải ngân sẽ thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành, cụ thể: Theo quy định tại Điều 43, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước, nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia bố trí cho các đơn vị, địa phương trước ngày 30/9/2022 chưa thanh quyết toán trong niên độ ngân sách 2022 thì không được phép chuyển nguồn sang năm 2023 và phải thực hiện thu hồi về ngân sách cấp tỉnh theo quy định.

Ngày 30/12/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2662/QĐ-UBND về việc thu hồi nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ năm 2022 còn dư, không thực hiện được của các cơ quan, đơn vị, địa phương về ngân sách cấp tỉnh, trong đó số kinh phí đối ứng thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia chưa giải ngân thu hồi về ngân sách cấp tỉnh như sau:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 2.125.877.259 đồng;

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 915.659.174 đồng;

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 508.343.711 đồng.

Hiện nay, số kinh phí thu hồi của 03 Chương trình mục tiêu quốc ở trên đã được Sở Tài chính tổng hợp vào nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách năm 2022 và dự kiến phương án phân bổ lại cho phần vốn đối ứng của 3 Chương trình mục tiêu quốc để đảm bảo đủ tỷ lệ tối thiểu theo quy định.

**2. Về phương án phân bổ**

Để đảm bảo tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương trên tổng số kinh phí ngân sách trung ương cấp theo đúng quy định của từng Chương trình mục tiêu quốc, UBND tỉnh đề xuất phân bổ lại cho các cơ quan, đơn vị, địa phương từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 tương ứng với số vốn NSĐP đối ứng đã thu hồi của từng dự án, tiểu dự án, nội dung của 03 Chương trình mục tiêu quốc.

(*Chi tiết phân bổ lại của 03 Chương trình mục tiêu quốc theo các Biểu 1.1, 2.1, 3.1/MTQG gửi kèm*)

**II. Phân bổ nguồn kinh phí năm 2022 chưa phân bổ đã chuyển nguồn sang năm 2023**

**1. Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

**a. Nguồn kinh phí phân bổ**

Nguồn kinh phí năm 2022 chưa phân bổ của Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 là 2.516,182 triệu đồng (NSTW 2.101,944 triệu đồng, NSĐP đối ứng 414,238 triệu đồng).

Theo quy định tại Nghị quyết 69/2022/QH15, Sở Tài chính đã thực hiện chuyển nguồn sang năm 2023 số kinh phí ngân sách trung ương chưa phân bổ là 2.101,944 triệu đồng. Tương ứng với số kinh phí ngân sách trung ương nêu trên, UBND tỉnh dự kiến bố trí vốn đối ứng từ nguồn sự nghiệp kinh tế tỉnh điều hành năm 2023 để thực hiện là 414,238 triệu đồng. Theo đó, tổng nguồn kinh phí trình HĐND tỉnh xem xét, phân bổ tại kỳ họp này là 2.516,182 triệu đồng (NSTW 2.101,944 triệu đồng + NSĐP đối ứng 414,238 triệu đồng).

**b. Phương án phân bổ**

Định mức phân bổ theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND như sau:

*“- Phân bổ cho các địa phương:*

*+ Thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo danh mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt”*.

Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đề xuất phân bổ đều theo danh mục dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu kinh phí thực tế để triển khai thực hiện các dự án trong năm 2023 do các địa phương đề xuất. Theo đó, căn cứ nhu cầu kinh phí thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất đã được phê duyệt danh mục, khả năng ngân sách Trung ương và nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao dự toán cho các địa phương thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất với tổng số tiền 2.516,182 triệu đồng, trong đó:

- Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị 1.200 triệu đồng, gồm: NSTW là 1.002,313 triệu đồng, NSĐP đối ứng là 197,687 triệu đồng.

- Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng 1.316,182 triệu đồng, gồm: NSTW là 1.099,631 triệu đồng, NSĐP đối ứng là 216,551 triệu đồng.

(*Chi tiết phân bổ theo Biểu số 1.2/MTQG gửi kèm*)

**2. Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc giảm nghèo bền vững**

**a. Nguồn kinh phí phân bổ**

Nguồn kinh phí năm 2022 chưa phân bổ của Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 là 4.355,03 triệu đồng (trong đó: NSTW 4.228,214 triệu đồng, NSĐP đối ứng 126,816 triệu đồng).

Theo quy định tại Nghị quyết 69/2022/QH15, Sở Tài chính đã thực hiện chuyển nguồn sang năm 2023 số kinh phí ngân sách trung ương chưa phân bổ là 4.228,214 triệu đồng. Tương ứng với số kinh phí ngân sách trung ương nêu trên, UBND tỉnh dự kiến bố trí vốn đối ứng từ nguồn sự nghiệp kinh tế tỉnh điều hành năm 2023 để thực hiện là 126,816 triệu đồng. Tổng nguồn kinh phí trình HĐND tỉnh xem xét, phân bổ tại kỳ họp này là 4.355,03 triệu đồng (NSTW 4.228,214 triệu đồng + NSĐP đối ứng 126,816 triệu đồng).

**b. Phương án phân bổ**

Theo điểm a, khoản 1, Điều 8, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 3 của Chương trình:

- Phân bổ tối đa 10% cho sở, ban, ngành cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn) là 435,503 triệu đồng.

- Phân bổ tối thiểu 90% cho các địa phương là 3.919,527 triệu đồng. Phương pháp xác định phân bổ vốn cho các địa phương như sau:

Căn cứ tiêu chí quy định tại khoản 1, Điều 2, Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND, xác định được hệ số của tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo Xi; hệ số Yi = HNi x 2,5 + Đvi (trong đó HNi là hệ số tiêu chí vùng khó khăn và Đvi là hệ số đơn vị hành chính cấp xã) và số điểm của mỗi địa phương, cụ thể:

+ Tổng số các hệ số tiêu chí Xi, Yi làm căn cứ tính vốn bình quân là 12,71 điểm.

+ Theo công thức quy định tại khoản 1, Điều 2, Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND, số vốn NSTW bình quân (Q) cho 01 điểm phân bổ là 3.805,393 triệu đồng/12,71 điểm = 299,4 triệu đồng/điểm, vốn NSĐP bình quân (Q) cho 01 điểm phân bổ là 114,134/12,71 điểm = 8,98 triệu đồng/điểm.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi huyện, thành phố.

*(Phương án phân bổ chi tiết theo Biểu số 2.2/MTQG gửi kèm)*

**III. Thuyết minh kinh phí thu hồi không phân bổ lại và nguồn kinh phí để lại phân bổ sau**

1. Chương trình mục tiêu quốc giảm nghèo bền vững: Số kinh phí thu hồi không thực hiện phân bổ lại số tiền 399.509 đồng. Nguyên nhân không phân bổ lại do đơn vị đã thực hiện xong, không còn nhiệm vụ chi.

2. Chương trình mục tiêu quốc xây dựng nông thôn mới: Số kinh phí thu hồi không thực hiện phân bổ lại số tiền 2.455.104 đồng. Nguyên nhân không phân bổ lại do đơn vị đã thực hiện xong, không còn nhiệm vụ chi.

3. Chương trình mục tiêu quốc phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tổng kinh phí đề xuất để lại phân bổ sau là 622.284.947 đồng, trong đó:

a. Tiểu dự án 1, dự án 9 “*Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù*” thuộc Chương trình năm 2022 đã chuyển nguồn sang năm 2023: 620 triệu đồng (gồm: NSTW là 590 triệu đồng, NSĐP đối ứng là 30 triệu đồng), trong đó: Sự nghiệp y tế 432 triệu đồng (NSTW 411 triệu đồng, NSĐP đối ứng 21 triệu đồng), sự nghiệp văn hóa thông tin 188 triệu đồng (NSTW 179 triệu đồng, NSĐP đối ứng 9 triệu đồng).

Lý do để lại phân bổ sau: Theo quy định thì đối tượng được hỗ trợ phải thuộc danh sách các dân tộc có khó khăn đặc thù theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025.

Sau khi đối chiếu với Quyết định số 1227/QĐ-TTg, tỉnh Bắc Kạn chỉ có một số dân tộc thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn; không có dân tộc thuộc danh sách các dân tộc có khó khăn đặc thù. Vì vậy, UBND tỉnh chưa đủ cơ sở để trình HĐND tỉnh phân bổ số kinh phí 620 triệu đồng nêu trên.

Đối với nội dung vướng mắc này, UBND tỉnh đã có Công văn số 5779/UBND-TH ngày 31/8/2022 báo cáo Bộ Tài chính đề nghị điều chỉnh số kinh phí 590 triệu đồng vốn ngân sách trung ương (trong đó: Sự nghiệp y tế 411 triệu đồng, sự nghiệp văn hóa thông tin 179 triệu đồng) sang nguồn sự nghiệp kinh tế để phân bổ cho nội dung “*Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế*”. Bộ Tài chính đã có Công văn số 1095/BTC-VP ngày 17/10/2022 trả lời “*phương án phân bổ vốn sự nghiệp của ngân sách trung ương năm 2022 do Ủy ban Dân tộc chủ trì đề xuất. Vì vậy, Bộ Tài chính chuyển Công văn số 5779/UBND-TH của UBND tỉnh Bắc Kạn đến Ủy ban Dân tộc để trả lời địa phương*”. Đến nay, tỉnh Bắc Kạn vẫn chưa nhận được ý kiến phản hồi của Ủy ban Dân tộc.

Trường hợp Ủy ban Dân tộc có công văn trả lời đồng ý cho địa phương chuyển số kinh phí 590 triệu đồng sang nguồn sự nghiệp kinh tế để thực hiện nội dung “*Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế*”, UBND tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh phân bổ số kinh phí 590 triệu đồng nêu trên theo đúng quy định tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND. Trường hợp Ủy ban Dân tộc không có công văn trả lời địa phương hoặc có công văn trả lời nhưng không đồng ý với đề xuất của tỉnh Bắc Kạn thì đến hết thời hạn giải ngân (31/12/2023) phải thực hiện hoàn trả số kinh phí 590 triệu đồng về ngân sách trung ương theo quy định.

b. Các dự án còn lại 2.284.947 đồng, gồm dự án 1 là 1.600.000 đồng, dự án 4 là 472.947 đồng, dự án 6 là 210.000 đồng, dự án 10 là 2.000 đồng, các đơn vị, địa phương đã thực hiện xong và hết nhiệm vụ chi nên không đề nghị phân bổ tiếp.

**PHỤ LỤC II**

**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VÀ GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /4/2023 của UBND tỉnh)*

1. **Sự cần thiết thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số**

Trên cơ sở định hướng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban chuyển đổi số quốc gia, Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành liên quan, trong thời gian qua, các cấp, các ngành tỉnh Bắc Kạn đã quan tâm chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), đầu tư phát triển hạ tầng thông tin, phần mềm và cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh góp phần xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số và phục vụ người dân, doanh nghiệp, khái quát một số kết quả đạt được như sau:

- Về hạ tầng CNTT:

+ Mạng lưới viễn thông đã kết nối thông suốt 3 cấp phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đáp ứng cơ bản nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT của người dân, doanh nghiệp, cụ thể: 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng di động; mật độ điện thoại đạt 90,5 máy/100 dân; mật độ thuê bao internet đạt 62 thuê bao/100 dân; 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã có mạng Internet và hệ thống mạng nội bộ (LAN).

+ Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đáp ứng vận hành các phần mềm dùng chung (quản lý văn bản và điều hành; một cửa điện tử; cổng dịch vụ công; thư điện tử công vụ).

+ Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến (HNTHTT) đã được mở rộng đến 108 xã, phường, thị trấn kết nối, đảm bảo thông suốt từ tỉnh đến huyện và xã; hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh Bắc Kạn đã được chuẩn hoá và cài đặt kết nối đến hệ thống giám sát của Cục Bưu điện Trung ương theo quy định.

- Cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực trọng yếu đã từng bước được đầu tư như: CSDL hồ sơ lưu trữ; CSDL về cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng; CSDL đất đai; CSDL môi trường; số hoá kho dữ liệu về tài nguyên và môi trường; điện tử hóa các loại sổ sách quản lý; CSDL quản lý giấy phép lái xe; CSDL về giá; CSDL hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử người dân; CSDL công chứng; CSDL quy hoạch xây dựng.

- Các hoạt động chuyển đổi số, phần mềm phục vụ người dân và doanh nghiệp đã được triển khai thực hiện như: Thẻ Căn cước công dân (CCCD) gắn chip điện tử trong xác định danh tính phục vụ người dân và doanh nghiệp; việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, việc hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử; phổ cập hóa đơn điện tử; hợp đồng điện tử; hỗ trợ tư vấn chuyển đổi số trong doanh nghiệp được các đơn vị quan tâm triển khai thực hiện.

Với việc chỉ đạo, đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thời qua đã giúp chỉ số xếp hạng DTI của tỉnh Bắc Kạn tăng đáng kể so với năm 2020, hiện nay tỉnh Bắc Kạn đứng thứ 51 trên toàn quốc về chỉ số xếp hạng chuyển đổi số; đứng thứ 55 toàn quốc về chính quyền số; đứng thứ 39 toàn quốc về kinh tế số; đứng thứ 42 toàn quốc về xã hội số; tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh đạt 100%; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt 55%; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt 30%. Mạng lưới viễn thông kết nối thông suốt 3 cấp phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đáp ứng cơ bản nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT của người dân, doanh nghiệp; 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã có mạng Internet và hệ thống mạng nội bộ (LAN); tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đã đạt 100%; tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh đạt 70%; tỷ lệ thôn/bản được phủ sóng Internet cáp quang băng rộng đạt 96%; tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 100%.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đã đạt được, so với các tỉnh/thành phố khác trong cả nước, điểm xếp hạng các chỉ số thành phần về thể chế số, an toàn thông tin mạng và nhóm chỉ số hoạt động của chính quyền số, xã hội số còn thấp, cụ thể: Nhóm chỉ số thành phần về hoạt động của chính quyền số xếp hạng 62/63; thể chế số xếp hạng 57/63; an toàn thông tin mạng xếp hạng 54/63; hoạt động xã hội số xếp hạng 50/63 tỉnh, thành phố trong cả nước.

Hiện nay, tỉnh chưa có kho dữ liệu dùng chung, chưa xây dựng cổng dữ liệu mở của tỉnh; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính chưa đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định; chưa có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; chưa triển khai nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước; kinh phí dành cho hoạt động chuyển đổi số hàng năm còn thấp; công tác đảm bảo an toàn thông tin cho chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu.

So với mục tiêu “Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh tăng từ 2 bậc trở lên” của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đề ra và mục tiêu “Phấn đấu đến năm 2025, Bắc Kạn nằm trong nhóm trung bình kết quả xếp hạng chỉ số chuyển đổi các tỉnh, thành phố của cả nước” trong Đề án tổng thể chuyển đổi số của tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 thì chỉ số chuyển đổi số năm 2021 và dự kiến chỉ số năm 2022 của tỉnh vẫn còn thấp.

Do vậy, để khắc phục những hạn chế nêu trên và đảm bảo phấn đấu đạt mục tiêu Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030, trong đó có chỉ tiêu hằng năm “Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh tăng từ 2 bậc trở lên” thì việc tiếp tục quan tâm, triển khai các dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số trong năm 2023 và những năm tiếp theo là cần thiết để nâng cao hơn nữa thứ hạng chỉ số chuyển đổi số của Bắc Kạn trong thời gian tới.

**2. Đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số trong thời gian qua tại các đơn vị**

**2.1. Trước thời điểm ban hành Đề án chuyển đổi số**

Trong những năm qua các ngành, lĩnh vực đã bước đầu triển khai tốt các hoạt động ứng dụng CNTT vào công tác quản lý nhà nước và hỗ trợ cung cấp các dịch vụ công, các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin này được triển khai với các hình thức như: Bộ, ngành, cơ quan Trung ương đầu tư sau đó hỗ trợ chia sẻ, chuyển giao cho địa phương khai thác, sử dụng; một số hoạt động do địa phương tự bố trí kinh phí triển khai đầu tư trên cơ sở định hướng và nhu cầu phục vụ công tác quản lý của các cơ quan đơn vị và hình thức cơ quan, đơn vị đề nghị các doanh nghiệp viễn thông tạo điều kiện sử dụng miễn phí các phần mềm ứng dụng. Việc triển khai ứng dụng CNTT theo các hình thức nêu trên đã góp phần nâng cao năng suất lao động, rút ngắn thời gian giải quyết công việc và tăng cường sự công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục liên quan đến người dân và doanh nghiệp.

*(Có kèm theo Báo cáo hiện trạng hoạt động chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn và danh mục chi tiết hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin theo Biểu số 01/CĐS)*

**2.2. Sau thời điểm ban hành Đề án chuyển đổi số**

Năm 2022, ngoài một số nhiệm vụ duy trì ứng dụng công nghệ thông tin đã bố trí trong dự toán đầu năm, trên cơ sở danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số đã được phê duyệt tại Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 về việc phê duyệt Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 (*sau đây viết tắt là Quyết định số 676/QĐ-UBND*), Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên về chuyển đổi số năm 2022 tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 và bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Các nhiệm vụ này đều thực hiện theo hướng xây dựng phần mềm nền tảng làm cơ sở để triển khai cho các ứng dụng tiếp theo trong tương lai của từng ngành lĩnh vực, việc triển khai theo định hướng nêu trên giúp cho việc quản lý được thực hiện một cách đồng bộ và thống nhất, đảm bảo khả năng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các ngành. Theo kết quả triển khai tính đến ngày 31/12/2022, tổng số kinh phí giải ngân của các nhiệm vụ chuyển đổi số là 14.738 triệu đồng.

*(Chi tiết theo Biểu số 02/CĐS kèm theo)*

**3. Mục tiêu và Kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025**

**3.1. Mục tiêu chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn**

*3.1.1. Giai đoạn 2022 - 2025*

Tại Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh đã đề ra mục tiêu trọng tâm giai đoạn 2022 - 2025 là nâng cao chất lượng dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp; xây dựng nền tảng dữ liệu và công nghệ số; tập trung ưu tiên chuyển đổi số lựa cho các ngành: Y tế, giáo dục, giao thông, văn hóa, tài nguyên và môi trường… để góp phần thúc đẩy hoạt động kinh tế số, xã hội số; phấn đấu đến năm 2025, Bắc Kạn nằm trong nhóm trung bình kết quả xếp hạng chỉ số chuyển đổi các tỉnh, thành phố của cả nước.

3.1.2. Mục tiêu năm 2023:

Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng dùng chung (hạ tầng kỹ thuật, các nền tảng, phần mềm dùng chung, an toàn thông tin) để đảm bảo đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu của các đơn vị, địa phương trong tỉnh và kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với các bộ, ngành trung ương và các tỉnh, thành phố trong cả nước. Phát triển dữ liệu số; nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải cách hành chính; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động du lịch; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước; chuyển đổi nhận thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số và từng bước hình thành công dân số, xã hội số của tỉnh gắn với công tác đảm bảo an toàn thông tin trong chuyển đổi số. Hoàn thành một số nhiệm vụ trọng tâm của Năm Dữ liệu số quốc gia 2023 theo định hướng chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể như sau:

- Phát triển Chính quyền số:

+ 100% hồ sơ phát sinh của các TTHC đã được cung cấp DVCTT toàn trình và 50% hồ sơ phát sinh của các TTHC đã được cung cấp DVCTT một phần cho phép nộp hồ sơ trực tuyến phải được “tiếp nhận” trực tuyến; 50% hồ sơ phát sinh của các TTHC có quy định phí, lệ phí phải được thực hiện thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

+ 100% TTHC có đủ điều kiện, được cung cấp DVCTT toàn trình trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh; 70% TTHC của tỉnh thực hiện qua DVCTT toàn trình được tích hợp với Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

+ 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, trên 60% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến

+ Trên 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

+ Trên 10% hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Phát triển kinh tế số:

+ Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP trên 10%.

+ Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ trên 8,5%.

+ Trên 90% doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số, trên 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số.

- Phát triển xã hội số:

+ 80% hộ gia đình trên địa bàn tỉnh có điện thoại thông minh.

+ 75% hộ gia đình có đường truyền Internet cáp quang băng rộng.

+ Phủ sóng băng rộng di động tới 100% thôn/bản trên địa bàn tỉnh.

+ Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các hình thức được phép khác đạt từ 55%.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử trên 30%.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành trở lên có chữ ký số cá nhân trên 20%.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên 60%.

+ Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa trên 30%

- An toàn thông tin:

+ 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được đánh giá an toàn thông tin và gán nhãn tín nhiệm mạng.

+ Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin trên 80%.

+ Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo vệ an toàn thông tin mạng theo cấp độ trên 30%.

- Dữ liệu số

+ Hoàn thành xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

+ 100% các Sở, ban ngành ban hành kế hoạch về dữ liệu mở, bao gồm danh mục dữ liệu mở, kế hoạch công bố dữ liệu mở thuộc phạm vi quản lý và cung cấp lần đầu dữ liệu mở theo kế hoạch.

3.2. Danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025

3.2.1. Kế hoạch thực hiện Đề án chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025 và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023.

Trên cơ sở Quyết định số 676/QĐ-UBND, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng dự thảo Kế hoạch triển khai Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2023. Hiện nay, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đang thực hiện quy trình xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với các Kế hoạch nêu trên.

(Gửi kèm theo dự thảo Kế hoạch xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các biểu kèm theo dự thảo Kế hoạch trùng nội dung với các Biểu số 02/CĐS và Biểu số 03/CĐS gửi kèm)

*3.2.2. Danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025*

Tại Quyết định số 676/QĐ-UBND, tổng kinh phí thực hiện Đề án ước tính **678,5 tỷ đồng***,* trong đó: Nguồn ngân sách địa phương 580 tỷ đồng; ngân sách Trung ương, xã hội hóa và các nguồn khác: 98,5 tỉ đồng (Giai đoạn 2022 - 2025: 408 tỷ đồng; giai đoạn 2026 - 2030: 270,5 tỷ đồng).

Trong giai đoạn 2022-2025, ngân sách tỉnh hết sức khó khăn, kinh phí Trung ương bổ sung cân đối giữ ổn định trong cả giai đoạn này, số vượt thu ngân sách cấp tỉnh không lớn, do vậy kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh dự kiến chỉ bố trí được cho nhiệm vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025 là **248,451** **tỷ đồng** (gồm: năm 2022: 14,738 tỷ đồng, năm 2023: 66,864 tỷ đồng, năm 2024: 83,005 tỷ đồng, năm 2025: 83,844 tỷ đồng).

*(Chi tiết theo Biểu số 02/CĐS đính kèm)*

Trên cơ sở hiện trạng chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn và các văn bản chỉ đạo định hướng, quy định của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số, các Bộ, ngành Trung ương và căn cứ vào điều kiện thực tế cũng như nhu cầu chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đồng thời cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, xác định các nhiệm vụ chủ yếu, ưu tiên cần triển khai thực hiện, cụ thể là: Cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; xây dựng, phát triển dữ liệu số; đảm bảo an toàn thông tin; phát triển trên cả 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số, xã hội số để góp phần phục vụ tốt hơn nhu cầu người dân, doanh nghiệp; cung cấp đầy đủ thông tin cho nhà đầu tư, góp phần thu hút và nâng cao hiệu quả đầu tư của tỉnh; phát triển thương mại điện tử; huy động sự tham gia rộng rãi của người dân, doanh nghiệp trong quá trình chuyển đối số; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan Nhà nước.

Thực hiện chỉ đạo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương xây dựng thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 và đề xuất danh mục nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số ưu tiên cần triển khai thực hiện giai đoạn 2022 - 2025, đặc biệt là danh mục nhiệm vụ năm 2023. Qua quá trình phối hợp rà soát, lựa chọn, tiếp thu ý kiến tại nhiều cuộc họp (Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số, các đơn vị liên quan, trong đó có các cuộc mời lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự), tham khảo ý kiến của các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp về chuyển đổi số và các chuyên gia, Sở Thông tin và Truyền thông đã trình UBND tỉnh dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 gồm tổng số 60 nhiệm vụ, dự án (rút gọn từ hơn 100 nhiệm vụ, dự án được các đơn vị đề xuất), với 04 nhóm nhiệm vụ ưu tiên như sau:

- Nhóm 1: Nhiệm vụ phát triển hạ tầng dùng chung.

- Nhóm 2: Nhiệm vụ phục vụ cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước.

- Nhóm 3: Nhiệm vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Nhóm 4: Nhiệm vụ về chuyển đổi số nhận thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

*3.2.3. Quá trình rà soát, lựa chọn và phân loại danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023*

*\* Quá trình rà soát, lựa chọn danh mục nhiệm vụ*

Để hoạt động chuyển đổi số của tỉnh được triển khai có hiệu quả, thiết thực, phục vụ người dân và doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính; phấn đấu hoàn thành mục tiêu mỗi năm tăng ít nhất 02 bậc chỉ số xếp hạng chuyển đổi số của tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các đơn vị, địa phương rà soát các nhiệm vụ của bộ, ngành chủ quản và lựa chọn, đăng ký các nhiệm vụ, dự án ưu tiên về chuyển đổi số cần thực hiện năm 2023 hướng tới mục tiêu lớn mang tính tổng thể là lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn theo thẩm quyền; triển khai hiệu quả công tác số hoá hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; triển khai cung cấp và nâng cao tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

Qua 04 lần rà soát, lựa chọn, tổng hợp của Sở Thông tin và Truyền thông; 05 cuộc họp thảo luận, thống nhất điều chỉnh rút gọn quy mô và số danh mục nhiệm vụ (*trong đó: Có 03 cuộc họp của Ban chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh, 01 cuộc họp của Thường trực Ban chỉ đạo về chuyển đổi số với các đơn vị liên quan; 01 cuộc họp của Sở Thông tin và Truyền thông với các đơn vị liên quan)* và tham vấn ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có kinh nghiệm trong việc triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số tại các tỉnh, thành phố trong cả nước (Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tập đoàn BKAV, Tập đoàn FPT) về danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiên chuyển đổi số năm 2023; 01 lần rà soát, xác định nguyên tắc phân bổ và lấy ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan về hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Sở Tài chính, số danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số trình HĐND tỉnh thông qua giảm xuống còn 45 nhiệm vụ (mua máy tính của Sở Tài nguyên và Môi trường và các huyện, thành phố tính là 01 nhiệm vụ), với tổng kinh phí là 70.902,4 triệu đồng (trong đó: Đã có 02 nhiệm vụ đã được HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm 2022, với nguồn kinh phí được phân bổ là 04 tỷ đồng để triển khai thực hiện). So với danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023 của các đơn vị, địa phương đề xuất (lần 1) là 95 nhiệm vụ, với dự kiến kinh phí 162,3 tỷ đồng sau khi rà soát đã giảm 50 nhiệm vụ, với tổng kinh phí giảm 91,4 tỷ đồng.

Tại cuộc họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh mở rộng và cuộc họp của các ban Hội đồng nhân dân tỉnh để chuẩn bị nội dung cho kỳ họp chuyên đề tháng 3 năm 2023, Ban Văn hóa Xã hội - Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh đã đưa ra một số ý kiến đối với phương án phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023; trên cơ sở tiếp thu các ý kiến, UBND tỉnh nhận thấy còn cần thiết phải tiếp tục xem xét lại danh mục nhiệm vụ để làm cơ sở phân bổ và giao dự toán.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông rà soát lại danh mục nhiệm vụ, kết quả như sau:

- **Tiếp tục cắt giảm 05 nhiệm vụ của năm 2023**, **gồm:** (1)Xây dựng nền tảng bản đồ số (GIS) tỉnh Bắc Kạn; (2) Đề án số hóa tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2022-2025; (3) Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý hệ thống công trình thuỷ lợi tỉnh Bắc Kạn; (4) Đầu tư, xây dựng cơ sở dữ liệu số; (5) Đề án Thư viện số tại Thư viện tỉnh Bắc Kạn.

- Bổ sung **thêm 01 (một) nhiệm vụ**: Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phục vụ chuyển đổi số, **nhiệm vụ số 17** trong Báo cáo số 79-BC/BCSĐ ngày 17/02/2023 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tách **thành 02 nhiệm vụ** là (1) Thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với hệ thống điều khiển Hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh thuộc dự án nâng cấp, mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đang sử dụng hiện nay đến cấp xã; (2) Đầu tư thiết bị MCU vật lý điều khiển hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh. Theo đó, tổng số danh mục nhiệm vụ, dự án năm 2023 là 42 nhiệm vụ, với tổng số kinh phí thực hiện là 66.864,4 triệu đồng.

\* Phân loại nhóm nhiệm vụ ưu tiên thực hiện chuyển đổi số năm 2023

a. Nhóm 1: Phát triển hạ tầng dùng chung với tổng số kinh phí là 17.968 triệu đồng, gồm 13 nhiệm vụ.

Các nhiệm vụ thuộc nhóm này được triển khai nhằm mục đích tạo dựng nền tảng hạ tầng kỹ thuật cụ thể là hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin và hạ tầng trung tâm dữ liệu để phục vụ cho hoạt động chuyển đổi số của tỉnh. Trong các nhiệm vụ thuộc hoạt động chuyển đổi số, việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật được xác định là yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của quá trình chuyển đổi số, cụ thể:

- Việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật như mạng internet băng thông rộng, mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cho các cơ quan đảng, nhà nước của tỉnh nhằm đảm bảo kết nối, liên thông, tích hợp, chia sẻ thông tin và dữ liệu của các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh phục vụ chuyển đổi số.

- Việc triển khai hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh cho phép nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều cơ quan đơn vị và các đối tượng tham gia cuộc họp, góp phần thay đổi phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả của cơ quan nhà nước trên môi trường số, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí cuộc họp của các đơn vị, địa phương; các chủ trương, chính sách của trung ương, của tỉnh sẽ được trực tiếp triển khai trực tiếp đến cấp cơ sở kịp thời và hiệu quả.

- Việc phát triển các phần mềm, nền tảng số được coi là giải pháp đột phá để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, [kinh tế số](https://vtv.vn/kinh-te-so.html) và xã hội số. Trong chuyển đổi số thì dữ liệu là tài nguyên phục vụ chuyển đổi số. Kho dữ liệu dung chung của tỉnh sẽ cho phép các cơ quan, đơn vị lưu trữ và sử dụng chung dữ liệu các ngành, địa phương. Việc các đơn vị, địa phương sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh để gửi, nhận, xử lý, lưu trữ văn bản điện tử được tích hợp chức năng chữ ký số của các đơn vị, địa phương góp phần thay đổi phương thức làm việc hiện đại, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi nhận văn bản và đảm bảo an toàn thông tin.

Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của người dân và doanh nghiệp gắn với Cổng dịch vụ công là công cụ giúp cho người dân, doanh nghiệp tìm hiểu, tra cứu và gửi, nhận hồ sơ trực tuyến giải quyết các thủ tục hành chính, góp phần tiết kiệm chi phí, thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời tăng chỉ số minh bạch của cơ quan nhà nước.

Các nhiệm vụ này được triển khai sẽ phục vụ cho người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình góp phần tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, giảm thời gian, chi phí giải quyết thủ tục hành chính và tăng tính minh bạch và chỉ số hài lòng của người dân; thực hiện mục tiêu lấy người dân làm trung tâm; phát triển xã hội số làm cho người dân hạnh phúc hơn.

An toàn thông tin: Đây là các nhiệm vụ nhằm đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu cho các hệ thống thông tin dùng chung, các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh tại các sở, ban, ngành tỉnh, các địa phương và Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; kiểm tra, giám sát, diễn tập thực chiến ứng phó nguy cơ tấn công mạng gây mất dữ liệu và an toàn các hệ thống thông tin, nền tảng và dữ liệu của tỉnh.

Nếu các nhiệm vụ nhóm này được triển khai xong dự kiến sẽ tăng thêm 23 điểm về hạ tầng số và an toàn thông tin mạng trong Bộ chỉ số DTI.

b. Nhóm 2: Nhóm nhiệm vụ phục vụ cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước với tổng kinh phí 38.086,4 triệu đồng để thực hiện 20 nhiệm vụ.

Năm 2023 được Bộ Thông tin và Truyền thông xác định là năm phát triển về dữ liệu số, theo đó các nội dung văn bản chỉ đạo, hướng dẫn Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành đều đề nghị các tỉnh/thành phố tập trung xây dựng các dự liệu số. Trên cơ sở thực trạng dữ liệu số ngành, lĩnh vực của tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các ngành đề xuất việc triển khai các nhiệm vụ nêu trên để góp phần xây dựng và hoàn thiện dữ liệu số ngành, lĩnh vực; phục vụ nhu cầu tích hợp, chia sẻ và khai thác sử dụng dữ liệu của các sở, ngành, địa phương, tổ chức, người dân và doanh nghiệp; theo đúng định hướng chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đồng thời thúc đẩy quá trình cải cách hành chính, tiết kiệm thời gian và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình tham gia thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

Các nhiệm vụ được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên quan trọng và tác động trực tiếp đến người dân cũng như hiệu quả hoạt động của các cơ quan Nhà nước gồm: Tài chính, thông tin và truyền thông, y tế, giáo dục và đào tạo, đất đai, nội vụ, lao động - thương binh và xã hội, giao thông, công thương, xây dựng, khoa học công nghệ, dân tộc, báo. Nếu các nhiệm vụ nhóm này được triển khai xong dự kiến sẽ tăng thêm 03 điểm về hoạt động chính quyền số trong Bộ chỉ số DTI).

c. Nhóm 3: Phục vụ người dân, doanh nghiệp với 6 nhiệm vụ, kinh phí là 10.060 triệu đồng.

Nhóm nhiệm vụ này đều hướng tới đối tượng người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh Bắc Kạn, cụ thể:

Việc triển khai hệ thống Quản lý, giám sát quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Kạn; hỗ trợ và thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; việc đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn góp phần nâng cao hiệu quả thu hút các nhà đầu tư trong nước và quốc tế trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ kịp thời các doanh nghiệp vừa và nhỏ của tỉnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Trong Kế hoạch hành động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023, tỉnh Bắc Kạn được giao nhiệm vụ: Tiên phong trong việc tổ chức triển khai, chỉ đạo triển khai các nền tảng số phục vụ du lịch, chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch. Theo đó việc triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch và kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn” là cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số giao cho tỉnh.

Nếu các nhiệm vụ nhóm này được triển khai xong dự kiến sẽ tăng thêm 10 điểm về phát triển kinh tế số, xã hội số trong Bộ chỉ số DTI).

d. Nhóm 4: Nhiệm vụ về chuyển đổi nhận thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực với tổng số kinh phí 750 triệu đồng để thực hiện 03 nhiệm vụ.

Việc triển khai các hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh nhằm kịp thời ban hành các cơ chế, chính sách về chuyển đổi số của tỉnh; xây dựng các mô hình chuyển đổi số của các ngành, lĩnh vực và các địa phương trong tỉnh để đánh giá, nhân rộng. Quan tâm, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và thu hút nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia các hoạt động xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số gắn với đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường số. Nếu các nhiệm vụ này được triển khai dự kiến sẽ tăng 05 điểm chỉ số thành phần về nhân lực số trong bộ chỉ số DTI).

*(Chi tiết danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số ưu tiên 2023 và đánh giá sự cần thiết, tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp lần lượt theo các Biểu số 03/CĐS, Biểu số 04/CĐS đính kèm)*

Sau khi rà soát lại các nội dung đã được Trung ương đầu tư, hỗ trợ triển khai trong thời gian qua, tất cả các nhiệm vụ đề xuất nêu trên không trùng lặp với các nội dung Bộ, ngành và cơ quan Trung ương đã thực hiện đầu tư và hỗ trợ.

**4. Phương án phân bổ**

**4.1. Nguyên tắc phân bổ**

Việc phân bổ kinh phí thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ chuyển tiếp và nhiệm vụ mang tính chất thường xuyên (*các nhiệm vụ hàng năm đã triển khai của Sở Thông tin và Truyền thông*) để đảm bảo hoàn thành dứt điểm các nhiệm vụ và tạo tiền đề triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số mới; đối với các nhiệm vụ mới triển khai từ năm 2023, trên cơ sở nhu cầu của từng nhiệm vụ, khả năng cân đối của nguồn ngân sách và hình thức triển khai của từng nhiệm vụ để bố trí kinh phí, cụ thể:

- Đối với những nhiệm vụ triển khai theo hình thức thuê dịch vụ (*kể cả nhiệm vụ chuyển tiếp thực hiện theo hình thức thuê dịch vụ*): Kinh phí đề xuất bố trí trên cơ sở lấy tổng dự toán thực hiện nhiệm vụ chia cho số năm trong thời gian thực hiện, riêng đối với nhiệm vụ chuyển tiếp của Sở Giáo dục và Đào tạo (*Duy trì thuê hệ thống quản lý chất lượng giáo dục tỉnh Bắc Kạn*), Sở Thông tin và Truyền thông (*Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT phần mềm quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ; thuê dịch vụ công nghệ thông tin (CNTT) đối với hệ thống điều khiển hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh thuộc dự án nâng cấp, mở rộng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đang sử dụng hiện nay đến cấp xã*), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn*) đề xuất bố trí kinh phí theo hợp đồng đã ký kết.

- Đối với những nhiệm vụ triển khai theo hình thức đầu tư:

+ Nhiệm vụ thuộc phần nhiệm vụ chuyển tiếp: Do các nhiệm vụ đều có lộ trình kết thúc trong năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất bố trí tối đa kinh phí còn thiếu trên tổng nhu cầu;

+ Các nhiệm vụ mới triển khai từ năm 2023 (*không kể các nhiệm vụ tại ba cộng đầu dòng tiếp theo*): Kinh phí đề xuất bố trí tương ứng 40% tổng dự toán thực hiện nhiệm vụ.

+ Các nhiệm vụ mua máy tính thực hiện chuyển đổi số; nhiệm vụ mua máy tính, máy scan phục vụ bộ phận một của cấp xã thực hiện phân bổ 100% nhu cầu để đảm bảo điều kiện cần thiết cho hoạt động phục vụ người dân tại các đơn vị, địa phương;

+ Nhiệm vụ xây dựng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh bố trí tương ứng 14% nhu cầu để đơn vị thực hiện các bước đầu tư ban đầu.

+ Nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Bạch Thông, huyện Chợ Mới phân bổ tương ứng 20% trên tổng kinh phí do nhu cầu kinh phí quá lớn, ngân sách không thể cân đối bố trí tương ứng 40% như các nhiệm vụ khác.

**4.2. Kinh phí phân bổ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023**

Thực hiện theo nguyên tắc phân bổ nêu trên, với tổng nhu cầu kinh phí cho 42 nhiệm vụ, dự án nêu trên là **66.864,4** triệu đồng, trong đó: Có 02 nhiệm vụ đã được HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm 2022, với kinh phí được phân bổ là 04 tỷ đồng; 01 nhiệm vụ sử dụng nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu, số tiền 2 tỷ đồng (Nhiệm vụ Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phục vụ chuyển đổi số do Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện); số kinh phí còn lại đề nghị phân bổ và giao cho các đơn vị, địa phương để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số từ nguồn sự nghiệp là **60.864,4 triệu đồng** (*Sáu mươi tỷ, tám trăm sáu mươi tư triệu, bốn trăm nghìn đồng*), từ các nguồn sau:

- Nguồn sự nghiệp kinh tế tỉnh điều hành năm 2023: 52.374,4 triệu đồng;

- Nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh điều hành năm 2023: 4.190 triệu đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất thu từ bán trụ sở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 4.300 triệu đồng.

*(Chi tiết phương án phân bổ theo các Biểu số 05/CĐS và Biểu số 06/CĐS kèm theo)*

**Về nguồn kinh phí phân bổ:** Tại Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh điều hành thuộc dự toán chi thường xuyên chưa phân bổ là 321.570 triệu đồng; tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND và Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của HĐND tỉnh đã phân bổ cho các đơn vị, địa phương là 9.264,794 triệu đồng (sự nghiệp giáo dục - đào tạo 1.384,794 triệu đồng; sự nghiệp kinh tế 7.880 triệu đồng); theo đó nguồn chi thường xuyên tỉnh điều hành đến nay chưa phân bổ là 312.305,206 triệu đồng, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề tỉnh điều hành năm 2023: 208.428,206 triệu đồng;

- Chi sự nghiệp kinh tế: 56.256 triệu đồng;

Bên cạnh đó, nguồn thu tiền sử dụng đất từ bán trụ sở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã nộp ngân sách nhà nước năm 2022 và năm 2023 là 43.629 triệu đồng (nằm trong tổng số tiền bán trụ sở đã nộp ngân sách 84.800 triệu đồng), theo quy định phải dành 10% cho công tác đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền là 4.300 triệu đồng.

Như vậy, với phương án phân bổ nêu trên ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí để bố trí cho nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023.

**5. Đánh giá chung về tác động và hiệu quả khi triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023**

Việc triển khai các nhiệm vụ, dự án ưu tiên chuyển đổi số năm 2023 sẽ góp phần thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số của tỉnh trên cả 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, phát triển hạ tầng số, dữ liệu số và đảm bảo an toàn thông tin mạng của tỉnh; tạo nền tảng cơ bản để xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu tỉnh, phát triển các hệ thống, phần mềm phục vụ hoạt động chuyển đổi số trong những năm tiếp theo; đáp ứng thêm các tiêu chí trong Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành; góp phần tăng chỉ số xếp hạng chuyển đổi số(DTI) tỉnh Bắc Kạn dự kiến tăng từ 02 bậc trở lên trong năm 2023 và các năm tiếp theo, đồng thời, góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, chỉ số hài lòng của người dân, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh.

Quatham khảo việc bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ chuyển đổi số của một số tỉnh trong khu vực[[1]](#footnote-1) thì kinh phí dự kiến phân bổ cho chuyển đổi số của tỉnh Bắc Kạn với **42** nhiệm vụ, dự án ưu tiên năm 2023 là **66.864,4** triệu đồng tuy còn thấp, song phù hợp với định hướng chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân tỉnh và sát với tình hình thực tiễn cũng như khả năng cân đối ngân sách tỉnh. Với danh mục nhiệm vụ, dự án nêu trên, dự kiến tổng kinh phí thực hiện trong giai đoạn 2022-2025 khoảng **248.451** triệu đồng(*trong đó kinh phí dự kiến bố trí 02 năm còn lại (2024-2025) khoảng* ***166.849*** *triệu đồng, bình quân hằng năm khoảng* ***83.424,5*** *triệu đồng/năm, nằm trong khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện).* Sau khi được cấp có thẩm quyền thông qua, Ban cán sự đảng UBND tỉnh sẽ giao UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện chặt chẽ, hiệu quả, đúng quy định, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

**PHỤ LỤC III**

**THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VÀ GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHO CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHÁC NĂM 2023**

*(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /4/2023 của UBND tỉnh)*

**I. THUYẾT MINH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ**

**1. Về kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND (UBND các huyện, thành phố):**

Chính sách đào tạo, bồi dưỡng giáo viên của tỉnh được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tại Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 Quy định một số nội dung và mức hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên để đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND).

Tại thời điểm xây dựng dự toán năm 2023 (tháng 10/2022), Sở Giáo dục - Đào tạo mới chỉ đề xuất dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND của khối Trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục - Đào tạo quản lý (đã được ghi trong dự toán đầu năm); đối với kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên thuộc UBND các huyện, thành phố quản lý chưa được Sở Giáo dục - Đào tạo rà soát, tổng hợp từ cơ sở nên chưa được bố trí trong dự toán đầu năm 2023.

Ngày 20/3/2023, Sở Giáo dục và Đào tạo có Tờ trình số 559/TTr-SGDĐT về việc đề nghị bổ sung kinh phí thực hiện Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND, trong đó đơn vị đề nghị cấp bổ sung cho các huyện, thành phố, số tiền 6.098,034 triệu đồng, gồm:

- Bồi dưỡng cho giáo viên đối với một số môn học *(Tin học và Công nghệ cấp tiểu học; Lịch sử và Địa lý, Khoa học tự nhiên cấp trung học cơ sở)* để phục vụ công tác giảng dạy năm học 2023-2024, với số tiền là 5.222,21 triệu đồng;

- Đào tạo trình độ đại học văn bằng thứ hai *(Tin học cấp tiểu học; Âm nhạc, Mỹ thuật cấp trung học cơ sở)* để phục vụ công tác giảng dạy năm học 2025-2026 (do đào tạo trong thời gian 02 năm mới hoàn thành), với số tiền là 875,824 triệu đồng.

Cơ quan chuyên môn căn cứ thời gian bồi dưỡng giáo viên theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành *(tại các Quyết định: Số 2453/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2021 ban hành Chương trình bồi dưỡng giáo viên Tin học dạy môn Tin học và Công nghệ ở Tiểu học; số 2454/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2021 ban hành Chương trình bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên; số 2455/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2021 ban hành Chương trình bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Lịch sử và Địa lý);* thời gian đào tạo do Sở Giáo dục và Đào tạo dự kiến; định mức hỗ trợ học phí, tài liệu học, chi phí đi lại, thuê phòng nghỉ theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND để thẩm định dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho các huyện, thành phố; kinh phí sau thẩm định là 6.098,034 triệu đồng.

*(Chi tiết theo Biểu số 02/NVK gửi kèm)*

**2. Kinh phí thực hiện chính sách cấp bù miễn, giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP (Trường Cao đẳng Bắc Kạn)**

Ngày 16/9/2022, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 56/2022/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, một trong các khoản thu xác định mức tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp được quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 56/2022/TT-BTC: *“b) Nguồn ngân sách nhà nước cấp bù đối với các cơ sở giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP (căn cứ theo số lượng người thực tế đang học và dự kiến tuyển mới tại thời điểm xây dựng phương án xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên của đơn vị)”*.

Tại thời điểm xây dựng dự toán (tháng 10/2023), Trường Cao đẳng Bắc Kạn chưa xây dựng dự toán chi tiết số lượng người học theo thực tế và chưa dự kiến được số tuyển sinh mới năm học 2023-2024 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo *(Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)*; do đó đơn vị chưa được cấp bù kinh phí thực hiện chính sách nêu trên trong dự toán đầu năm 2023.

Đến ngày 17/3/2023, Trường Cao đẳng Bắc Kạn có Công văn số 97/CĐBK-TCHC về việc đề nghị cấp dự toán ngân sách thực hiện chính sách cấp bù để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, với số tiền là 5.963,8806 triệu đồng.

Cơ quan chuyên môn căn cứ số lượng người học thực tế và dự kiến tuyển sinh năm 2023 thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí do Trường Cao đẳng Bắc Kạn cung cấp; mức thu trần học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và mức thu học phí do Trường Cao đẳng Bắc Kạn quy định tại Quyết định số 89/QĐ-CĐBK ngày 17/3/2023 để thẩm định dự toán cấp bù miễn giảm học phí cho đơn vị. Kinh phí sau thẩm định là 5.963,880 triệu đồng.

*(Chi tiết theo Biểu số 03/NVK gửi kèm)*

**3. Kinh phí tuyển dụng công chức tỉnh Bắc Kạn năm 2022 (Sở Nội vụ)**

Ngày 12/10/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 647/KH-UBND về tuyển dụng công chức tỉnh Bắc Kạn năm 2022, trong đó tại Phần VII kinh phí phục vụ công tác thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức thực hiện có nội dung *“1. Mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí tuyển dụng thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.*

*2. Trên cơ sở tổng hợp số lượng thí sinh đủ điều kiện dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng công chức thông báo mức thu phí và giao cơ quan thường trực của Hội đồng tổ chức thu phí theo quy định.*

*Trường hợp phí dự tuyển không đủ chi cho kỳ tuyển dụng công chức năm 2022 thì giao Sở Nội vụ (cơ quan thường trực của Hội đồng tuyển dụng công chức) chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp bổ sung kinh phí để chi cho công tác tuyển dụng công chức năm 2022 theo quy định”.*

Kế hoạch trên đã được ban hành trong tháng 10/2022, tuy nhiên tại thời điểm đó (cùng với thời điểm xây dựng dự toán), Sở Nội vụ chưa xác định được chính xác số lượng thí sinh dự thi nên chưa xác định được chính xác nguồn phí thu được, từ đó, chưa có cơ sở xác định phần ngân sách nhà nước hỗ trợ. Theo đó, dự toán kinh phí tổ chức tuyển dụng công chức tỉnh Bắc Kạn năm 2022 chưa được bố trí trong dự toán đầu năm 2023.

Ngày 29/12/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh mới ban hành Quyết định số 2582/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Bắc Kạn năm 2022, với số lượng thí sinh tham dự 399 thí sinh. Đến nay số thí sinh dự thi chính thức là 281 người.

Theo đó, Sở Nội vụ đã đề nghị bổ sung kinh phí tại các Công văn: Số 163/SNV-CCVC ngày 13/02/2022 về việc đề nghị cấp bổ sung kinh phí tuyển dụng công chức tỉnh Bắc Kạn năm 2022 và số 369/SNV-CCVC ngày 16/3/2023 về việc đề nghị bổ sung dự toán kinh phí tuyển dụng công chức tỉnh Bắc Kạn năm 2022, trong đó:

- Tổng kinh phí tổ chức tuyển dụng công chức: 949,9688 triệu đồng;

- Kinh phí thu lệ phí từ các thí sinh là 112,4 triệu đồng;

- Đơn vị đề nghị cấp bù phần kinh phí còn thiếu so với nhu cầu: 837,5688 triệu đồng.

Cơ quan chuyên môn căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành quy định nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; giá thực tế tại thời điểm thẩm định và các quy định hiện hành để thẩm định kinh phí tuyển dụng công chức tỉnh Bắc Kạn năm 2022. Số kinh phí sau thẩm định là 824,528 triệu đồng*,* trong đó:

- Kinh phí từ nguồn thu phí dự tuyển công chức được để lại đơn vị là 112,4 triệu đồng.

- Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ 712,128 triệu đồng.

*(Chi tiết theo Biểu số 04/NVK gửi kèm)*

**4. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ (các đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố có đối tượng tinh giản biên chế)**

Ủy ban nhân dân tỉnh đã có các Quyết định phê duyệt kinh phí giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ cho đối tượng tinh giản biên chế, cụ thể: Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 phê duyệt kinh phí đợt nghỉ 01/01/2023, Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 phê duyệt kinh phí đợt nghỉ 01/02/2023, Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 phê duyệt kinh phí đợt nghỉ 01/3/2023, trong đó:

- Tổng số đối tượng tinh giản biên chế đợt 01/01, 01/02, 01/3 năm 2023 được hỗ trợ kinh phí là 13 người.

- Tổng kinh phí thực hiện chi trả chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ đợt 01/01, 01/02, 01/3 năm 2023 (phần ngân sách tỉnh cấp bổ sung) là 1.517,034 triệu đồng.

*(Chi tiết theo Biểu số 05/NVK gửi kèm)*

**5. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2023 theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ (Sở Khoa học và Công nghệ)**

Tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của HĐND tỉnh, số kinh phí còn lại chưa phân bổ (thực hiện nội dung hỗ trợ trực tiếp cho người trồng lúa) là 5.220 triệu đồng. Tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10/3/2023, HĐND tỉnh đề nghị: “*UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo rà soát, sớm trình HĐND tỉnh phân bổ hết kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2023 theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ”*. Thực hiện Nghị quyết nêu trên, UBND tỉnh đã giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị, địa phương liên quan tiếp tục rà soát nhu cầu, thẩm định, tổng hợp dự toán thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Theo phương án phân bổ do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất tại Công văn số 531/SNN-KHTC ngày 15/3/2023, đến nay hầu hết các cơ quan, đơn vị địa phương không đề xuất nhu cầu kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người trồng lúa; chỉ có Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất phân bổ kinh phí thực hiện mô hình áp dụng kỹ thuật canh tác lúa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm với nhu cầu kinh phí là 1.752,2 triệu đồng.

Cơ quan chuyên môn căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 1, Nghị định số [62/2019/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-62-2019-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-35-2015-nd-cp-ve-quan-ly-su-dung-dat-trong-lua-418633.aspx) và khoản 2, Điều 1, Thông tư 02/2023/TT-BTC ngày 06/01/2023 của Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan, thẩm định kinh phí thực hiện mô hình áp dụng kỹ thuật canh tác lúa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm là 1.590,33 triệu đồng.

*(Chi tiết theo Biểu 06/NVK gửi kèm)*

Nguồn kinh phí còn lại chưa phân bổ (thực hiện nội dung hỗ trợ cho người trồng lúa) là 3.629,67 triệu đồng.

**II. THUYẾT MINH VỀ NGUỒN KINH PHÍ PHÂN BỔ**

Tại Nghị quyết số 53/NQ-HĐND nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh điều hành thuộc dự toán chi thường xuyên chưa phân bổ là 321.570 triệu đồng. Tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND và Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của HĐND tỉnh đã phân bổ cho các đơn vị, địa phương là 9.264,794 triệu đồng (sự nghiệp giáo dục - đào tạo 1.384,794 triệu đồng; sự nghiệp kinh tế 7.880 triệu đồng); theo đó nguồn chi thường xuyên tỉnh điều hành chưa phân bổ là 312.305,206 triệu đồng, thuộc các lĩnh vực sau:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề tỉnh điều hành năm 2023: 208.428,206 triệu đồng;

- Chi sự nghiệp kinh tế: 56.256 triệu đồng;

- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương: 47.621 triệu đồng.

Bên cạnh đó, nguồn kinh phí tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 dự kiến thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa chưa phân bổ tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của HĐND tỉnh 5.220 triệu đồng.

Từ cơ sở nêu trên, UBND tỉnh đề nghị như sau:

- Phân bổ từ nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề cho các nhiệm vụ: Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND; chính sách cấp bù miễn, giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP; tuyển dụng công chức tỉnh Bắc Kạn năm 2022;

- Phân bổ từ nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương để hiệnchế độ, chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

- Phân bổ từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi (*thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa*) năm 2022 chuyển sang năm 2023 để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2023 theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.

1. Kinh phí chuyển đổi số hằng năm của các tỉnh: Tỉnh Lạng Sơn bố trí khoảng 250.000 triệu đồng; Tỉnh Thái Nguyên bố trí khoảng 150.000 triệu đồng; Tỉnh Cao Bằng bố trí khoảng 90.000 triệu đồng; Tỉnh Tuyên Quang bố trí khoảng 120.000 triệu đồng; Tỉnh Hoà Bình bố trí khoảng 80.000 triệu đồng; Tỉnh Hà Nam bố trí khoảng 90.000 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-1)